

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI, NĂM HỌC 2022-2023

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TNKQ)		Vận dụng thấp (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Chuyên đề: Biến đổi khí hậu	- Nguyên nhân, hậu quả của BĐKH	1		2						0,75đ=7,5 %
2	Thạch quyển	- Thạch quyển. Nội lực. Tác động nội lực đến ĐH bề mặt TĐ	2		1		0		0		0,75đ=7,5 %
		- Ngoại lực. Tác động ngoại lực đến ĐH bề mặt TĐ									
3	Khí quyển	- Khí quyển. Nhiệt độ không khí	5		4		0	1TL	0	0	4,25đ= 42,5 %
		- Khí áp. Gió và mưa									
4	Thủy quyển	- Thủy quyển. Nước trên lục địa	5		3		0	0	0	1TL	3,0đ=30 %
		- Nước biển và đại dương									
5	Sinh quyển	- Đất và sinh quyển	3		2		0		0		1,25đ= 12,5%
Tổng số câu			16 câu TN KQ		12 câu TNK Q			1TL		1TL	
Tổng hợp chung			40%		30%		20%		10%		100%=10 đ

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				<i>Nhận biết (TN)</i>	<i>Thông hiểu (TN)</i>	<i>Vận dụng (TL)</i>	<i>VDC (TL)</i>
Phân môn Địa lí							
1	Chuyên đề	- Biến đổi khí hậu.	Nhận biết – Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu. Thông hiểu – Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu.	1	2		
2	Thạch quyển	- Thạch quyển. Nội lực. Tác động nội lực... - Ngoại lực. Tác động ngoại lực đến ĐH bề mặt TĐ.	Nhận biết – Trình bày được khái niệm thạch quyển. – Trình bày được khái niệm, nguyên nhân sinh ra nội lực, ngoại lực. - Nêu được tác động của nội lực và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. Thông hiểu - Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. – Trình bày được nguyên nhân hình thành nội lực và ngoại lực. - Trình bày tác động của nội lực, ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.	2	1		

3	Khí quyển	<ul style="list-style-type: none"> -Khí quyển. Nhiệt độ không khí - Khí áp gió, Mưa - Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm khí quyển. - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương. - Trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. - Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên thế giới. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa). - Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. 	5	4	1TL*	
4	Thủy quyển	<ul style="list-style-type: none"> -Thủy quyển. Nước trên lục địa - Nước biển và đại dương 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm thủy quyển. - Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. - Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương. - Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thủy quyển. - Liên hệ trách nhiệm bản thân trong bảo vệ tài nguyên nước (nước ngọt) 	5	3	1TL*	

5	Sinh quyển	<ul style="list-style-type: none"> – Đất và Sinh quyển – Phân tích bản đồ, sơ đồ về sự phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm về đất. – Trình bày được khái niệm sinh quyển. - Nắm được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất. - Trình bày được các nhân tố hình thành đất. - Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. 	3	2		
Số câu/ loại câu			16 câu TNKQ	12 câu TNKQ	1 câu TL	1 câu TL	
Tổng hợp chung			40%	30%	20%	10%	

SỞ GDĐT KON TUM
TRƯỜNG THPT DUY TÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2022-2023

Môn: Địa lí, Lớp 10

*Thời gian làm bài: 45 phút,
không tính thời gian phát đề*

Họ và tên học sinh:

Mã số học sinh:

Mã đề: 101

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Biến đổi khí hậu chủ yếu là do tác động của

- A. các thiên thạch rơi xuống.
- B. các vụ nổ hạt nhân, thử vũ khí.
- C. các thiên tai trong tự nhiên.
- D.** các hoạt động của con người.

Câu 2: Biến đổi khí hậu là gì?

- A.** là sự thay đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình nhiều năm
- B. là khí hậu của một khu vực trong một năm
- C. là do nhiệt độ Trái Đất tăng, lượng mưa thay đổi
- D. là hiện tượng nước biển dâng, gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Câu 3: Biểu hiện chủ yếu của biến đổi khí hậu là

- A.** nhiệt độ Trái Đất tăng.
- B. số lượng sinh vật tăng.
- C. mực nước ở sông tăng.
- D. dân số ngày càng tăng.

Câu 4. Vận động làm cho các lục địa được nâng lên hay hạ xuống, uốn nếp hay đứt gãy gọi chung là

- A. vận động tạo núi.
- B.** vận động kiến tạo.
- C. hoạt động núi lửa.
- D. vận động tạo lục.

Câu 5. Địa hào, địa lũy là kết quả của

- A. sự bồi đắp phù sa.
- B.** hiện tượng uốn nếp.

C. hiện tượng đứt gãy.

D. hiện tượng biến tiến, biến thoái.

Câu 6. Thạch quyển gồm

A. vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Man-ti.

B. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá trầm tích.

C. đá badan và phần ở trên cùng của lớp Man-ti.

D. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá biến chất.

Câu 7. Khí quyển là

A. quyển chứa toàn bộ chất khí.

B. khoảng không gian bao quanh Trái Đất.

C. lớp không khí có độ dày khoảng 500 km.

D. lớp không khí bao quanh Trái Đất, chịu ảnh hưởng của vũ trụ.

Câu 8. Cấu trúc khí quyển gồm

A. 3 tầng.

B. 4 tầng.

C. 5 tầng.

D. 6 tầng.

Câu 9. Thành phần chính trong không khí là khí

A. Nitơ.

B. Ô xi.

C. Cacbonic.

D. Hơi nước.

Câu 10. Biên độ nhiệt trong năm theo vĩ độ có đặc điểm

A. tăng dần từ xích đạo về cực.

B. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

C. giảm dần từ xích đạo về cực.

D. không có sự thay đổi nhiều.

Câu 11. Băng và tuyết là nước ở thể nào sau đây?

A. Rắn.

B. Lỏng.

C. Hơi.

D. Khí.

Câu 12. Theo *Hình 3. Gió phơn*, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi khí hậu trong hoạt động của gió phơn?

A. Cứ lên cao 100 m, không khí ẩm giảm 1°C.

B. Ở sườn núi đón gió có không khí khô nóng.

C. Sườn khuất gió khô nóng hơn sườn đón gió.

D. Có lượng mưa lớn xảy ra ở sườn khuất gió.



Hình 3. Gió phơn

Câu 13. Loại gió nào sau đây có tính chất khô?

A. Gió Tây ôn đới.

B. Gió Mậu dịch.

C. Gió mùa.

D. Gió đất, biển.

Câu 14. Độ muối trung bình của nước biển là

A. 33 ‰.

B. 34 ‰.

C. 35 ‰.

D. 36 ‰.

Câu 15. Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

A. xích đạo.

B. chí tuyến.

C. cực.

D. ôn đới.

Câu 16. Nguyên nhân chủ yếu hình thành sóng là do

A. nước chảy.

B. gió thổi.

C. băng tan.

D. mưa rơi.

Câu 17. Sóng thần có chiều cao khoảng bao nhiêu mét?

A. Từ 10-30m.

B. Từ 15-35m.

C. Từ 20-40m.

D. Từ 25-45m.

Câu 18. Các dòng biển nóng thường hình thành ở khu vực nào của Trái Đất?

- A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến. **C.** Ôn đới. **D.** Vùng cực.

Câu 19. Nhiệt độ nước biển

- A.** thay đổi hơn nhiệt độ không khí.
B. thay đổi theo mùa trong năm.
C. tăng dần từ Xích đạo về hai cực.
D. tăng dần theo độ sâu.

Câu 20. Biển và đại dương **không** có vai trò nào sau đây?

- A.** Biển và đại dương cung cấp nguồn tài nguyên quý giá.
B. Biển và đại dương là nơi hình thành sự sống.
C. Biển và đại dương góp phần điều hoà khí hậu.
D. Biển và đại dương là môi trường cho các hoạt động kinh tế.

Câu 21. Độ muối của nước biển và đại dương

- A.** thay đổi theo không gian.
B. tăng dần từ xích đạo về hai cực.
C. giảm dần từ xích đạo về hai cực.
D. giống nhau ở tất cả các biển và đại dương.

Câu 22. Đặc trưng của đất (thổ nhưỡng) là

- A.** toi xốp. **B.** độ phì. **C.** độ ẩm. **D.** vụn bở.

Câu 23. Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

- A.** sinh vật. **B.** động vật.
C. thực vật. **D.** vi sinh vật.

Câu 24. Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

- A.** toàn bộ sinh vật sinh sống. **B.** tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.
C. toàn bộ động vật và vi sinh vật. **D.** toàn bộ thực vật và vi sinh vật.

Câu 25. Yếu tố nào sau đây **không** có tác động tới sự phát triển và phân bố sinh vật?

- A.** Khí hậu. **B.** Con người.
C. Địa hình. **D.** Đá mẹ.

Câu 26. Yếu tố khí hậu nào sau đây **không** ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A.** Nhiệt độ. **B.** Gió.
C. Nước. **D.** Độ ẩm.

Câu 27. Hoạt động nào sau đây của con người **không** làm biến đổi tính chất của đất?

- A.** Nông nghiệp. **B.** Lâm nghiệp.
C. Ngư nghiệp. **D.** Công nghiệp.

Câu 28. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A.** Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

II. PHÂN TỰ LUẬN

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở Bán cầu Bắc

Vĩ độ	0 ⁰	20 ⁰	30 ⁰	40 ⁰	50 ⁰	60 ⁰	70 ⁰	80 ⁰
Nhiệt độ trung bình năm	24,5	25,0	20,4	14,0	5,4	-0,6	-10,4	-20,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

(Nguồn: Trang 27 - SGK Địa lí lớp 10 –Cánh diều, NXB Đại học Sư phạm)

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét sự thay đổi nhiệt độ trung bình và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở Bán cầu Bắc? Tại sao nhiệt độ trung bình năm ở chí tuyến cao hơn xích đạo.

Câu 2. Phân tích tác động của con người đến sự phát triển và phân bố sinh vật. Lấy ví dụ ở địa phương em về tác động của con người đến sự phát triển và phân bố của thực vật và động vật.

----- Hết -----

GDDT KON TUM
TRƯỜNG THPT DUY TÂN

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I. NĂM HỌC 2022-2023
Môn: Địa, Lớp 10

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	Mã đề			
	101
1	D			
2	A			
3	A			
4	B			
5	C			
6	A			
7	D			
8	D			
9	A			
10	A			
11	A			
12	C			
13	B			
14	C			
15	B			
16	B			
17	C			
18	A			
19	B			
20	B			
21	A			
22	B			
23	C			
24	A			
25	D			
26	B			
27	C			
28	B			

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)	Nhận xét sự thay đổi nhiệt độ trung bình và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở Bán cầu Bắc: - Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Xích đạo về phía cực (<i>dẫn chứng</i>) - Biên độ nhiệt năm tăng dần từ Xích đạo về phía cực (<i>dẫn chứng</i>) <i>(Lưu ý: HS không dẫn chứng sẽ trừ ½ số điểm)</i>	1,5đ 0,75 đ

	<p>Nhiệt độ trung bình năm ở chí tuyến cao hơn xích đạo:</p> <p>- Do tỉ lệ diện tích lục địa ở khu vực xích đạo nhỏ, mưa nhiều trong khi đó vùng chí tuyến bán cầu Bắc có diện tích lục địa lớn, rất ít mưa, khí hậu khô nóng..</p>	<p>0,75 đ</p> <p>0,5đ</p>
<p>Câu 2 (1,0 điểm)</p>	<p>Phân tích tác động của con người đến sự phát triển và phân bố sinh vật.</p> <p>- <i>Tích cực:</i></p> <p>- Mang giống cây trồng, vật nuôi từ nơi khác nhau để mở rộng sự phân bố.</p> <p>- Trồng rừng. Cải tạo nhiều giống cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao.</p> <p>- <i>Tiêu cực:</i></p> <p>- Phá rừng bừa bãi ảnh hưởng tiêu cực thực vật, động vật mất nơi cư trú sinh sống.</p> <p>- Ô nhiễm môi trường do phát triển công nghiệp, phát triển dân số, dẫn đến thu hẹp môi trường sống sinh vật.</p> <p>Ghi chú: học sinh nêu 1 trong 2 ý cho điểm tối đa.</p> <p>Lấy ví dụ ở địa phương em về tác động của con người đến sự phát triển và phân bố của thực vật và động vật.</p> <p>Phá rừng làm mất nơi cư trú của nhiều loài sinh vật.</p> <p>Vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường...</p>	<p>0,5đ</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0,5đ</p> <p>0.5</p>

----- HẾT -----